TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **415**/2018/QĐST-HNGĐ	*X , ngày 11 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 160/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa:

- Ông **Nguyễn Đức T,** sinh năm 1971.

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ C, khu phố G, phường D, thành phố X, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Phạm Thị Bích V**, sinh năm 1969.

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: tổ R, khu phố E, phường Q, thành phố X, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Thị Bích V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Thị Bích V thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Thị Bích V.

Giao con chung cháu Nguyễn Phạm Anh M, sinh ngày 04/6/2003 cho bà Phạm Thị Bích V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Nguyễn Đức Th, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Thành Nh, sinh năm 1997 đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Thị Bích V không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Đức T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Thị Bích V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Đức T tự nguyện chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm ông Nguyễn Đức T nộp theo biên lai số 006013 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh Đồng Nai được tính trừ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đức T số tiền 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND TP. X;
- Chi cục THADS TP. X;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai (số 54/1991);
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Kim Dung